

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2020/DS-ST

Ngày: 28 - 5 - 2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ Lul.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Trịnh Thị Hằng N là hàng xóm quen biết nên bà có cho anh T, chị N mượn tiền; Cụ thể:

Ngày 01/6/2017, anh T và chị N cùng ký tên mượn 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*), hẹn đến ngày 01/12/2018 sẽ trả.

Ngày 17/7/2017, một mình anh T ký tên mượn 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), hẹn ngày 21/7/2017 sẽ trả. Sau đó, anh T trả được 470.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), còn nợ lại 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Ngày 24/7/2018, một mình anh T viết lại giấy vay tiền và ký tên chốt số nợ 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) và 130.000.000 đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) thành 830.000.000đ (*Tám trăm ba mươi triệu đồng*). Hẹn hàng tháng anh T, chị N sẽ trả lãi là 8.500.000 đồng/tháng, đến ngày 04/6/2019 sẽ trả lại số tiền đã vay cho bà.

Thời gian trả nợ đã qua lâu nhưng bà không thấy anh T, chị N có ý định trả nợ. Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N phải thanh toán cho bà 830.000.000đ (*Tám trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày 24/10/2019 là 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*). Tổng cộng là 898.000.000đ (*Tám trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Ngày 27/02/2020, bà H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N phải trả cho bà 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*) tiền gốc của giấy mượn tiền đề ngày 01/6/2017, tiền lãi tạm tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 01/02/2020 là 14 tháng x 0,83% = 81.340.000 đồng, đến ngày 1/3/2020 tiền lãi tạm tính là 87.150.000đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), không yêu cầu đối với số tiền nợ gốc anh T còn nợ bà là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bà H tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền lãi là 87.150.000đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trịnh Thị Hằng N liên đới trả cho bà 700.000.000 đ (*bảy trăm triệu đồng*) tiền gốc.

Tại Bản tự khai ngày 23/3/2020 bị đơn chị Trịnh Thị Hằng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng có đăng ký tại UBND thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê. Chị công nhận chị và anh T có mượn tiền của bà Nguyễn Thị H số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) mục đích để làm ăn buôn bán phát triển kinh tế gia đình. Nay bà H yêu cầu chị và anh T phải trả số tiền gốc 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh là 87.150.000đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn chị và anh T không thể trả ngay số nợ này được, khi nào làm ăn được thì trả sau và xin trả tiền gốc, mong bà H không tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của anh Nguyễn Văn T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 217, 280, 357, 466, 470 Bộ luật, dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*). Đình chỉ giải quyết vụ án đối với 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 87.150.000đ (*tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Về án phí: buộc anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản » giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có địa chỉ tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Bị đơn không có yêu cầu phản tố; Do đó, tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Giao kết vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H với với vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N được thể hiện với hình thức “Giấy mượn tiền” có chữ ký xác nhận của anh T, chị N và được chị Nga công nhận. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, giao kết vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo “Giấy mượn tiền” có chữ ký của anh T, chị N mà bà H cung cấp và được chị N công nhận thì ngày 01/6/2017 anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có vay bà Nguyễn Thị H 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 01/12/2018. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với các Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Theo kết quả xác minh của Tòa

án tại UBND thị trấn Chư Sê và Công an thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ngày 20/01/2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*).

[4]. Trong đơn khởi kiện bà Hoa còn yêu cầu anh T và chị H trả số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) do anh Tuấn mượn của bà H và số tiền lãi là 87.150.000 đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với các số tiền này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các khoản tiền trên.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 700.000.000 đ (*Bảy trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và số tiền lãi là 87.150.000 đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Hằng N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*)

[{20.000.000đ + 4% x (700.000.000đ – 400.000.000 đ)}] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.470.000 đ (*Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*), theo Biên lai thu số 0002677 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu